

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/DS-PT
Ngày 17-3-2023
V/v kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tâm
Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền
Bà Ngô Thị Bích Diệp

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 339/2022/TLPT-DS ngày 16/11/2022 về việc “Kiện đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 271/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 409/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2022; Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm số 07/2023/TB-TA ngày 27 tháng 01 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 21/2023/QĐPT-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023; Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm số 15/2023/TB-TA ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp A, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ liên hệ: tổ 5, khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy T - Luật sư Văn phòng Luật sư Phở Minh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Hồ Văn T1, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ liên hệ: tổ 12, ấp 6B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Dương Văn L1, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp A, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1981, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt;

2. Bà Trần Thị Ngọc L2, sinh năm 1987, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt;

Cùng địa chỉ: ấp N, xã T1, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Ông Lưu Hữu L4, sinh năm 1995; địa chỉ: tổ 5, khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1997; địa chỉ: tổ 5, khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Hồ Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Trong quá trình làm việc tại Tòa án, bà L đã được tiếp cận Hợp đồng cho vay tiền ghi ngày 26/7/2020 do phía nguyên đơn ông Hồ Văn T1 cung cấp cho Tòa án và đây là chứng cứ ông T1 viện dẫn vào đó để khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền 150.000.000 đồng. Bà L trình bày như sau: khoảng giữa năm 2020 (không nhớ chính xác ngày, tháng cụ thể), ông T1 có đến kiốt của bà Nguyễn Thị H (là em dâu của bà L) thuê và nói với bà L hiện ông T1 đánh bạc thua nhiều tiền, đã sử dụng số tiền người vay mượn trả nên nhờ bà L ký không vào Hợp đồng cho vay ghi ngày 26/7/2020, do ông T1 đã viết sẵn trước đó để ông T1 dễ nói chuyện với vợ ông T1. Do từ trước tới giờ giữa bà L và ông T1 cũng thân thiết, ông T1 từng là em rể, hơn nữa tên trong hợp đồng vay tiền tên là Nguyễn Thị L3, không phải tên, tuổi của bà L nên bà L nghĩ ký cũng không sao nên mới ký tên và họ tên vào Bên vay (Bên B) Nguyễn Thị L3. Bà L xác định không có việc vay mượn số tiền 150.000.000 đồng, giữa bà L và ông T1 hoàn toàn không có việc giao nhận số tiền 150.000.000 đồng.

Ngày 02/11/2021, bà L có chuyển vào số tài khoản của Trần Thị Ngọc L2 số tiền 35.000.000 đồng. Sở dĩ bà chuyển số tiền này vào số tài khoản của bà L2 là do ông T1 nhắn tin và yêu cầu bà L chuyển vào đó với mục đích là bồi thường tiền thuốc men cho ông T1 trong vụ án hình sự mà chồng bà là ông L1 đã gây thương tích cho ông. Tuy nhiên, tại phiên tòa hình sự ngày 16/11/2021, ông T1 lại không thừa nhận đây là tiền bồi thường mà nói là trả tiền vay theo Hợp đồng vay tiền ghi ngày 26/7/2020. Do đó, Tòa án buộc chồng bà là ông Dương Văn L1 có trách nhiệm bồi thường dân sự cho ông T1 với số tiền 40.000.000 đồng. Do không có việc vay mượn số tiền 150.000.000 đồng như ông T1 trình bày nên ngày 16/12/2021, bà L có đơn phản tố yêu cầu ông T1 có trách nhiệm trả lại cho bà L số tiền 35.000.000 đồng mà bà L đã chuyển vào số tài khoản của bà Trần Thị Ngọc L2 ngày 02/11/2021.

Bị đơn ông Hồ Văn T1 trình bày:

Ngày 30/3/2021, ông T1 có nộp đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Nguyễn Thị L (tên gọi khác là Nguyễn Thị L3). Theo đó, ông T1 yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông T1 số tiền vay là 150.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 26/7/2020. Tuy nhiên, ngày 01/7/2022, ông T1 nộp đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị L để hai bên tự giải quyết.

Ngày 30/9/2021, bà L trực tiếp liên hệ bằng điện thoại cho ông T1 và nói trả trước cho ông T1 số tiền 35.000.000 đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*) trong tổng số tiền đã vay 150.000.000 đồng với mục đích để ông T1 làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho chồng bà L là ông Dương Văn L1. Số tiền mà ông T1 cho bà L vay là do ông T1 vay của ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp N, xã T1, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên ông T1 có nói với bà L chuyển trả thẳng cho ông T2. Ông T1 đã gọi trực tiếp cho ông T2 và đề nghị ông T2 cho số tài khoản để bà L chuyển trả tiền, ông T2 có cho ông T1 số tài khoản của vợ ông T2 tên bà Trần Thị Ngọc L2, sinh năm 1987 cùng địa chỉ ông T2. Ngày 02/11/2021, bà L đã chuyển vào số tài khoản của bà L2 số tiền 35.000.000 đồng. Ông T1 khẳng định số tiền 35.000.000 đồng bà L chuyển vào tài khoản của bà L2 là tiền bà L trả cho ông T1 và ông T1 đã nhận số tiền này. Do đó, ông T1 không đồng ý với yêu cầu của bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn L1 trình bày:

Ông L1 là chồng bà Nguyễn Thị L, ngoài tên Nguyễn Thị L thì bà L không còn tên gọi nào khác. Giữa bà L và ông T1 có việc vay mượn tiền hay không thì ông L1 hoàn toàn không biết. Đồng thời, ông đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng vì không có quyền lợi, nghĩa vụ gì đối với vụ án.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H là em dâu của bà Nguyễn Thị L. Khoảng giữa năm 2020 (không có nhớ chính xác ngày, tháng nào) ông T1 có đến kiết do bà H thuê để ở. Lúc đó, bà H và bà L đang ở kiết, ông T1 nhờ bà H ký tên với tư cách làm chứng vào hợp đồng cho vay tiền, sau này bà H mới biết đó là Hợp đồng cho vay tiền ghi ngày 26/7/2020. Bà H xác định chữ ký và họ tên tại mục người làm chứng là do bà H ký và viết ra. Nội dung hợp đồng do ông T1 đã viết sẵn trước đó. Ông T1 đưa cho bà H ký trước, trước khi ký và sau khi ký bà H không có đọc văn bản nên không biết văn bản này viết nội dung gì. Bà H không thấy có việc giao nhận tiền. Việc ông T1 và bà L ký vào văn bản này hay không, ký lúc nào bà H không biết.

Người làm chứng ông Lưu Hữu L4 trình bày:

Ngày 02/11/2022, bà L có nhờ ông L4 chuyển khoản số tiền 35.000.000 đồng đến số tài khoản của bà Trần Thị Ngọc L2. Bà L nói là để xử lý hậu quả vụ việc mà chồng bà là ông L1 đã gây ra. Sau đó, ông L4 đã sử dụng số tài khoản 0431000208705 (thuộc Ngân hàng Vietcombank) chủ tài khoản đứng tên mình là Lưu Hữu L4 chuyển số tiền 35.000.000 đồng đến số tài khoản 7403205119177 (thuộc Ngân hàng Agribank) chủ tài khoản là Trần Thị Ngọc L2. Ông L4 khẳng định số tiền 35.000.000 đồng mà ông chuyển cho bà L2 là tiền của bà L, ông L4 chỉ chuyển giùm.

Người làm chứng ông Nguyễn Thanh T2 trình bày:

Ông T2 và ông Hồ Văn T1 là bạn với nhau. Ông T2 và bà Nguyễn Thị L không có mối quan hệ gì. Ông T2 không cho ông Hồ Văn T1 vay số tiền 150.000.000 đồng và từ trước tới nay ông T2 cũng không có cho ông T1 vay bất kỳ khoản tiền nào. Ông T2 có cung cấp cho ông T1 số tài khoản 7403205119177 (thuộc Ngân hàng Agribank), tên chủ tài khoản là bà Trần Thị Ngọc L2. Bà L2 là vợ ông T2. Mục đích ông T2 cung cấp cho ông T1 để nhận giùm ông T1 số tiền 35.000.000 đồng từ số tài khoản 0431000208705 (thuộc ngân hàng Vietcombank). Khoảng 02-03 ngày sau khi nhận tiền thì vợ ông T2 đã chuyển khoản lại cho ông T1 35.000.000 đồng vào tài khoản mà

ông T1 cung cấp là 6200205347458. Ông T2 xác định không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do đó, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà L.

Người làm chứng bà Trần Thị Ngọc L2 trình bày:

Bà Trần Thị Ngọc L2 là vợ của ông T2. Bà L2 là chủ tài khoản 7403205119177 (thuộc Ngân hàng Agribank). Bà L2 nhận giùm cho ông T1 số tiền 35.000.000 đồng từ số tài khoản 0431000208705 (thuộc ngân hàng Vietcombank). Khoảng 02-03 ngày sau khi nhận số tiền trên thì bà L2 đã chuyển khoản trả lại cho ông T1 vào số tài khoản 6200205347458. Bà L2 xác định chỉ nhận giùm ông T1, hoàn toàn không biết ai là người chuyển đến và mục đích chuyển. Bà L2 xác định không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do đó, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà L.

Người làm chứng Hồ Văn T3 trình bày:

Ông Hồ Văn T3 là em ruột ông Hồ Văn T1, vào ngày 09/9/2019, ông T1 có nhờ ông T3 chuyển tiền qua Ngân hàng BIDV có số tài khoản 6501000114226, tên tài khoản là ông Dương Văn L1 với số tiền 10.000.000 đồng, số tiền này ông T1 nói cho bà L là vợ ông L1 hỏi mượn.

Lần 02, vào ngày 13/9/2019, ông T1 tiếp tục có nhờ ông T3 chuyển tiền qua Ngân hàng BIDV có số tài khoản 26501000114226, tên tài khoản là ông Dương Văn L1 với số tiền 20.000.000 đồng, số tiền này ông T1 nói cho bà L là vợ ông L1 hỏi mượn và lần 03 ngày 27/7/2020, ông T1 tiếp tục có nhờ ông T3 chuyển tiền qua Ngân hàng BIDV có số tài khoản 26501000114226, tên tài khoản là ông Dương Văn L1 với số tiền 5.000.000 đồng, số tiền này ông T1 nói cho bà L là vợ ông L1 hỏi mượn thông qua tài khoản của ông L1. Ông T3 khai chỉ có nhiệm vụ chuyển tiền qua tài khoản đứng tên Dương Văn L1, ông T3 không biết ông L1 có chuyển đưa cho bà L này không thì ông không có gặp trực tiếp ông L1 và bà L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T1 đối với bà Nguyễn Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn ông Hồ Văn T1 về việc “Kiện đòi tài sản”.

Buộc ông Hồ Văn T1 phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/9/2022, bị đơn ông Hồ Văn T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt; bị đơn ông Hồ Văn T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Huy T trình bày quan điểm tranh luận: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông T1 không đưa ra được các chứng cứ gì khác để chứng minh số tiền 35.000.000 đồng mà nguyên

đơn bà L đã chuyển vào số tài khoản của bà L2 theo yêu cầu của ông T1 là tiền nguyên đơn trả nợ cho ông T1. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L là phù hợp quy định pháp luật; bị đơn ông Hồ Văn T1 kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Luật sư, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn L1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L1 theo quy định tại khoản 1 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Hồ Văn T1 làm trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 26/02/2021, ông Hồ Văn T1 tự nguyện rút Đơn khởi kiện đề ngày 30/3/2021 đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L (tên gọi khác: Nguyễn Thị L3) về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Ngày 26/02/2021, Tòa án nhân dân thị xã T ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 09/2021/QĐST-DS đối với nguyên đơn ông Hồ Văn T1 với bị đơn bà Nguyễn Thị L (tên gọi khác: Nguyễn Thị L3).

Ngày 15/03/2021, Tòa án nhân dân thị xã T ban hành Trích lục Quyết định số 09/2021/TL-QĐ về việc Trích lục Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 09/2021/QĐST-DS đối với nguyên đơn ông Hồ Văn T1 với bị đơn bà Nguyễn Thị L (tên gọi khác: Nguyễn Thị L3).

Ngày 01/7/2022, Tòa án nhân dân thị xã T ban hành Thông báo về việc thay đổi địa vị tố tụng số 21/TB-TLVA có nội dung bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn, ông Hồ Văn T1 là bị đơn trong vụ án “Kiện đòi tài sản”.

Tại phần Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã T quyết định: Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T1 đối với bà Nguyễn Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Xét thấy, các đương sự không kháng cáo, Viện Kiểm sát không có quyết định kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

[3] Về kháng cáo của ông Hồ Văn T1 nhận thấy:

Ngày 02/11/2021, bà L có chuyển vào tài khoản của bà Trần Thị Ngọc L2 số tiền 35.000.000 đồng để trả cho ông T1 các chi phí thuốc men trong vụ án hình sự về tội “Cố ý gây thương tích” do chồng bà L là ông Dương Văn L1 gây thương tích cho

ông Hồ Văn T1. Tuy nhiên, tại phiên tòa hình sự ngày 16/11/2021, ông Hồ Văn T1 không thừa nhận số tiền 35.000.000 đồng bà L chuyển khoản cho ông T1, mà ông T1 khai trước Tòa số tiền 35.000.000 đồng này, bà L trả tiền nợ theo Hợp đồng vay tiền ghi ngày 26/7/2020. Nên Tòa án nhân thị xã T tuyên buộc ông Dương Văn L1 phải có trách nhiệm bồi thường chi phí thuốc men cho ông T1 với số tiền 40.000.000 đồng.

Đối với đơn phản tố của bà Nguyễn Thị L lập ngày 16/12/2021, bà L yêu cầu ông T1 phải trả số tiền 35.000.000 đồng là số tiền bà L trả cho ông T1 khoản tiền ông L1 phải bồi thường chi phí điều trị để Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho ông L1 nhưng ông T1 không thừa nhận nên bà L yêu cầu ông T1 phải trả số tiền trên.

Tại bản tự khai ngày 09/8/2022, của bà Trần Thị Ngọc L2 và ông Nguyễn Thanh T2 thừa nhận có nhận qua tài khoản số 0431000208705 với số tiền 35.0000.000 đồng vào ngày 02/11/2021, để giao lại cho ông Hồ Văn T1 và được ông T1 thừa nhận nên đây là tình tiết không phải chứng minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 08/02/2023, ông Hồ Văn T1 có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới là một giấy phôtô tên khách hàng ông Hồ Văn T3 và bản tự khai của ông Hồ Văn T3 ghi ngày 15/9/2022, cho rằng vào ngày 09/9/2019, anh ông T3 là ông Hồ Văn T1 có nhờ ông T3 chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị L mượn số tiền 10.000.000 đồng thông qua tài khoản của ông Dương Văn L1 là chồng bà L; ngày 13/9/2019, ông T1 tiếp tục nhờ ông T3 chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị L mượn số tiền 20.000.000 đồng thông qua tài khoản của ông Dương Văn L1 là chồng bà L và lần 03 vào ngày 27/7/2020, ông T3 tiếp tục chuyển qua tài khoản của ông Dương Văn L1 số tiền 5.000.000 đồng. Tổng cộng 03 lần ông T3 chuyển vào tài khoản của ông L1 với số tiền 35.000.000 đồng; ông T3 khai tại tòa là khi chuyển tiền qua tài khoản có tên Dương Văn L1, ông T3 không biết ông L1 có chuyển số tiền trên cho bà L hay không thì ông T3 hoàn toàn không biết và chỉ biết ông T1 là anh ruột nói chuyển tiền cho bà L mượn, chứ không biết bà L có mượn tiền của ông T1 hay không; từ khi chuyển tiền qua tài khoản củ ông L1 cho đến nay ông T3 không có gặp ông L1. Tại các lời khai của bà L có trong hồ sơ vụ án, không có lời khai, tài liệu nào khác chứng minh bà L thừa nhận có mượn tiền của ông T1 thông qua tài khoản của ông Dương Văn L1. Mặc khác ông T1 là nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà L phải trả khoản tiền vay 150.000.000 đồng, tại giấy viết tay do ông T1 và bà L lập ngày 26/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 26/02/2021, ông T1 tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện bà L phải trả cho ông T1 số tiền vay là 150.000.000 đồng và được Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 09/2021/QĐST-DS ngày 26/02/2021. Do đó, không có căn cứ xác định số tiền ông T3 chuyển vào tài khoản của ông L1 là tiền của bà L vay mượn của ông T1 để trừ số tiền 35.000.000 đồng mà bà L đưa cho T1 để trả thay cho ông L1 về chi phí điều trị trong vụ án phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Trong trường hợp này nếu ông T3 có chuyển vào tài khoản của ông L1 giúp cho ông T1 thì ông Hồ Văn T1 và ông Hồ Văn T3 được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác đối với ông Dương Văn L1 để đòi lại số tiền ông T3 chuyển vào tài khoản của ông Dương Văn L1.

[4] Từ những phân tích và lập luận trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn T1.

[5] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 312; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

I. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn T1.

II. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ:

- Các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 217, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 166, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T1 đối với bà Nguyễn Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn ông Hồ Văn T1 về việc “Kiện đòi tài sản”.

Buộc ông Hồ Văn T1 phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả số tiền 875.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005651 ngày 22/12/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Ông Hồ Văn T1 phải chịu 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0052355 ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương. Ông Hồ Văn T1 được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

III. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Hồ Văn T1 phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0006284 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã T;
- TAND thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tâm